

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN
BLACK CAT INSULATION TECHNICAL[®] JSC

DỰ THẢO



QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành lần 01)

TP. Vũng Tàu, tháng 6 năm 2025

Điều 18. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	21
Điều 19. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc	21
Điều 20. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	21
Điều 21. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	22
Điều 22. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.....	22
Điều 23. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	22
Điều 24. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc	23
Điều 25. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.....	24
Chương VII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ NGÀY HIỆU LỰC	24
Điều 26. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	24
Điều 27. Ngày hiệu lực	24

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2025.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động quản trị khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Quản trị công ty**” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty nhằm mục đích:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b. **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen;

c. **“Điều lệ”** là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen;

d. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

e. **“Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị”** là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen;

f. **“Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”** là Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen;

g. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

h. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

2. Những từ ngữ không được giải thích trong Quy chế này thì được hiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó tại từng thời điểm.

4. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng

hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời gian theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty.

b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

c. Ban kiểm soát có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông và các công việc khác theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc cổ đông ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải xuất trình thông báo mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền dự họp) và các giấy tờ liên quan với Ban tổ chức Đại hội để kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và đăng ký trước khi vào phòng họp.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu

Khi tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông một Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và nội dung cần biểu quyết. Cách thức bỏ phiếu có thể được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trừ khi có quy định khác đi tại Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết thực hiện như sau:

a. Thẻ biểu quyết:

- i. Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu; Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử; Danh sách ứng cử viên được đề cử, ứng cử; Quy chế bầu cử (trong trường hợp có bầu cử), Biên bản và Nghị quyết Đại

hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại cuộc họp cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua.

- ii. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

b. Phiếu biểu quyết:

- i. Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của cuộc họp (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết.
- ii. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác, ... khi không được Chủ tọa yêu cầu; Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.
- iii. Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

11. Cách thức kiểm phiếu

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

b. Căn cứ quy định tại Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết.

c. Đối với trường hợp bầu cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu căn cứ theo quy định tại Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Quy chế bầu cử.

d. Công ty có quyền sử dụng công nghệ thông tin hiện đại (phần mềm, thiết bị công nghệ như mã vạch, mã QR...) để áp dụng vào việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp, việc bỏ phiếu và việc kiểm phiếu. Công ty được quyền thuê đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan. Ban tổ chức Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan có quyền sử dụng các công nghệ và thiết bị do Công ty cung cấp để thực thi nhiệm vụ của mình.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi tiến hành biểu quyết hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Cổ đông có quyền yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty và Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chỉ được thực hiện sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.
3. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Không có.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Ngoài hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến theo quy định tại Điều này. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để hướng dẫn chi tiết cách thức tham dự, cách thức bỏ phiếu và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức này.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ hướng dẫn cụ thể cách thức để cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo hình thức hội nghị trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được quy định cụ thể tại Thông báo mời họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức cổ đông ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được quy định cụ thể tại Thông báo mời họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội.

4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông đăng ký tham dự họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông thông qua các vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tuyến theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua nếu tỷ lệ tán thành theo hình thức biểu quyết trực tuyến đáp ứng quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Cổ đông thực hiện bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ

chức Đại hội. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được xác định theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Đối với vấn đề cần biểu quyết, cổ đông bỏ phiếu biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết. Đối với nội dung bầu cử, cổ đông thực hiện bầu cử theo phương thức tương tự như bầu cử trực tiếp. Cách thức biểu quyết, bầu cử trực tuyến sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Cách thức kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Quy chế này. Công ty được quyền thuê đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc hệ thống tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Ban tổ chức Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan có quyền sử dụng công nghệ thông tin hiện đại và thiết bị do Công ty cung cấp để thực thi nhiệm vụ của mình.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi tiến hành biểu quyết hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Ngoài hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quy định tại Điều này. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến để hướng dẫn chi tiết cách thức tham dự, cách thức bỏ phiếu và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức này.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị

trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ hướng dẫn cụ thể cách thức để cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo hình thức hội nghị trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong hai hình thức:

a. Tham dự họp theo hình thức trực tiếp: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy chế này.

b. Tham dự họp theo hình thức trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong hai hình thức:

a. Tham dự họp theo hình thức trực tiếp: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

b. Tham dự họp theo hình thức trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông đăng ký tham dự họp trực tiếp và dự họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 5 Điều 6 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử theo một trong hai hình thức:

a. Tham dự họp theo hình thức trực tiếp: Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quy chế này.

b. Tham dự họp theo hình thức trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

7. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Quy chế này. Công ty được quyền thuê đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc hệ thống tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Ban tổ chức Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan có quyền sử dụng công nghệ thông tin hiện đại và thiết bị do Công ty cung cấp để thực thi nhiệm vụ của mình.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi tiến hành biểu quyết hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông báo về việc đề cử, ứng cử

a. Hội đồng quản trị hoặc người tổ chức Đại hội đồng cổ đông phải thông báo trên website Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị để bầu tại Đại hội đồng cổ đông.

b. Thông báo phải tối thiểu có các thông tin về số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị dự kiến bầu; điều kiện để cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử, ứng cử.

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu và có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải gửi hồ sơ đến Công ty Cổ phần kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen tối thiểu 3 ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông để Ban tổ chức Đại hội thẩm định hồ sơ. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông gồm:

a. Đơn/văn bản đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và cam kết theo mẫu của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

b. Bản cung cấp thông tin cá nhân (theo mẫu của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông);

c. Bản sao công chứng các giấy tờ: Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

d. Văn bản ủy quyền hợp pháp hoặc biên bản họp nhóm cổ đông (đầy đủ thông tin về các cổ đông tham gia đề cử, số lượng cổ phần sở hữu của từng cổ đông, nội dung đề cử và cử ký (và đóng dấu nếu có) của các cổ đông tham gia nhóm đề cử) trong trường hợp các Cổ đông hợp thành nhóm đề cử ứng viên (theo mẫu của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông).

3. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông căn cứ vào các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị và quyền đề cử, ứng cử của cổ đông để thẩm định danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.

b. Danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị đủ điều kiện được công bố thông tin trên website Công ty tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải được thông qua trong phiên khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

5. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

b. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

6. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

9. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

10. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.

11. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

b. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 29 và khoản 1 Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 20 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Số lượng cuộc họp tối thiểu của Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường được quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.

3. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

5. Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức biểu quyết

Cách thức biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 9, khoản 10 và khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định.

b. Cách thức Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định tại cuộc họp được thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.

c. Cách thức Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo

hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Việc lập biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

a. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Nghị quyết, quyết định được ban hành.

b. Công ty thực hiện công bố thông tin các nội dung của Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị mà thuộc phạm vi phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo các quy định pháp luật hướng dẫn về công bố thông tin.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty.

Chương IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có trách nhiệm sau:

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e. Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát được quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty.

b. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty và tương tự khoản 1, 2 và 3 Điều 9 Quy chế này.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty.

6. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo các quy định pháp luật hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

Chương V: GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật

Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty.

3. Giám đốc có trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

a. Nhiệm kỳ của Giám đốc được quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Giám đốc:

- i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
- iii. Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

a. Ứng cử viên cho chức vụ Giám đốc sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị đề cử với Hội đồng quản trị. Ứng cử viên cho chức vụ Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị, ngoại trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- i. Có đơn xin từ nhiệm.
- ii. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty.
- iii. Hết hợp đồng lao động.
- iv. Nghi hưu và không có nhu cầu gia hạn hoặc tái ký hợp đồng lao động với Công ty.
- v. Do sức khỏe không đảm bảo cho việc tiếp tục công việc.

c. Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- i. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.
- ii. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

- a. Hội đồng quản trị thực hiện bổ nhiệm Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác ký kết hợp đồng với Giám đốc trên cơ sở ủy quyền của Hội đồng quản trị.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

- a. Hội đồng quản trị tổ chức họp để thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
- b. Công ty tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc sau khi Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết thông qua việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Giám đốc. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và các quy định khác của Công ty.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được thực hiện theo các quy định pháp luật hướng dẫn về công bố thông tin.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Tiền lương và lợi ích khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Chương VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Đối với các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Giám đốc (nếu Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (nếu Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị) có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.
2. Đối với các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát: thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp được thực hiện tương tự như triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Đối với cuộc họp giữa Hội đồng quản trị với Giám đốc:

a. Nếu Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị: nội dung họp giữa Hội đồng quản trị với Giám đốc sẽ được đưa vào trong nội dung họp của Hội đồng quản trị.

b. Nếu Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị: thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp thực hiện tương tự như triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại Điều 11 Quy chế này.

4. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của Giám đốc để tham vấn những vấn đề liên quan.

5. Trong trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần làm rõ.

Điều 18. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Các trường hợp Giám đốc, Ban kiểm soát đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị với Giám đốc.
- b. Các hợp đồng, giao dịch của Công ty mà Giám đốc là một bên liên quan.
- c. Các vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.
- d. Các vấn đề phát sinh trọng yếu khi triển khai nghị quyết, quyết định

của Hội đồng quản trị.

e. Các vấn đề khác mà Giám đốc hoặc Ban kiểm soát xét thấy có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.

3. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

b. Giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do Giám đốc quản lý.

c. Đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

d. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

e. Các vấn đề khác mà Giám đốc hoặc Ban kiểm soát nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

f. Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty; báo cáo tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

3. Giám đốc thực hiện các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.

4. Cách thức báo cáo: Báo cáo trực tiếp hoặc báo cáo bằng văn bản.

Điều 22. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

Trên cơ sở báo cáo hoạt động của Giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

Điều 23. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

a. Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

b. Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Điều 20 Quy chế này, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) và phải báo cáo lại cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất.

c. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen nắm quyền kiểm soát với Giám đốc hoặc với những người có liên quan tới Giám đốc theo quy định của pháp luật.

2. Vấn đề cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 5 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Vấn đề cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 13 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty theo các nguyên tắc sau:

- Vì lợi ích chung của Công ty.
- Tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất.
- Trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi để thực hiện mục tiêu chung.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Khi

tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng hợp trực tiếp, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, hoặc Giám đốc hoặc cả 3 người để giải quyết được hiệu quả.

4. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát biết về rủi ro này.

Điều 25. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Căn cứ các quy định nội bộ của Công ty về khen thưởng, Công ty sẽ tiến hành đánh giá hoạt động và khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định Công ty, Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật; lạm dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì căn cứ các quy định nội bộ của Công ty về kỷ luật, Công ty sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật đối với thành viên đó. Ngoài ra, thành viên đó còn phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất và trách nhiệm pháp lý đối với những thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Chương VII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 26. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này nhưng đã được quy định trong Điều lệ Công ty hoặc pháp luật có quy định hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 27. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 27 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ

phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen nhất trí thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2025.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Minh Kha